

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận sinh viên trình độ cao đẳng, hệ chính quy đạt chuẩn đầu ra
ngoại ngữ - Khóa thi ngày 23/8/2026**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 620/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 483/QĐ-CDKT ngày 10/10/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định về yêu cầu năng lực ngoại ngữ đối với sinh viên cao đẳng hình thức chính quy;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-CDKT ngày 13/01/2021 về việc điều chỉnh một số điều của Quy định về yêu cầu năng lực ngoại ngữ đối với sinh viên cao đẳng hình thức chính quy tại trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 483/QĐ-CDKT ngày 10/10/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kế hoạch số 555/KH-CDKT ngày 11/8/2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thi Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ – Khóa thi ngày 23 tháng 8 năm 2026;

Xét đề nghị của Ủy viên thường trực Hội đồng thi đánh giá năng lực ngoại ngữ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận 469 sinh viên trình độ cao đẳng, hệ chính quy đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ - Tiếng Anh, khóa thi ngày 23 tháng 8 năm 2026, cụ thể:

- + Trình độ tương đương A2: 400 sinh viên
- + Trình độ tương đương B1: 55 sinh viên
- + Trình độ tương đương B2: 14 sinh viên

(Danh sách đính kèm)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Phòng Quản lý Đào tạo – Thư viện, các Khoa, Trung tâm Truyền thông – Tuyển sinh và Dịch vụ, Sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: HĐT.

TM. HỘI ĐỒNG THI
CHỦ TỊCH



**DANH SÁCH CÔNG NHẬN SINH VIÊN CAO ĐẲNG
ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH - TRÌNH ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG A2
KHÓA THI NGÀY 23/8/2026**

(Kèm theo Quyết định số 13./QĐ-HĐT ngày 07 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng thi đánh giá năng lực ngoại ngữ)

TT	Số BD	Thông tin sinh viên					Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết	Nghe		
01	A2-01	25641354	Lê Quốc	Anh	13/03/2007	Nam	TP. HCM	8.0	7.8	8.8	8.2	Đạt
02	A2-405	24631016	Lâm Khả	Ái	16/10/2003	Nữ	Cà Mau	7.0	6.7	8.0	7.2	Đạt
03	A2-178	24635045	Huỳnh Thị Thúy	An	25/06/2006	Nữ	Tây Ninh	5.0	4.1	6.0	5.0	Đạt
04	A2-229	24641225	Nguyễn Ngọc	An	28/09/2006	Nữ	Đồng Nai	7.5	8.5	5.2	7.1	Đạt
05	A2-365	24600338	Tạ Đoàn Quốc	An	19/06/2006	Nam	Bình Thuận	8.0	6.8	5.6	6.8	Đạt
06	A2-48	24631195	Nguyễn Hoài Tri	Ân	14/07/2006	Nữ	TP. HCM	8.5	8.7	8.0	8.4	Đạt
07	A2-179	24631264	Biện Thuý	Anh	10/09/2006	Nữ	TP. HCM	7.0	9.6	8.8	8.5	Đạt
08	A2-230	24641237	Đặng Lý Kim	Anh	31/08/2006	Nữ	TP. HCM	7.0	8.5	6.0	7.2	Đạt
09	A2-51	24682129	Huỳnh Nguyễn Quế	Anh	22/03/2006	Nữ	TP. HCM	8.0	7.9	3.2	6.4	Đạt
10	A2-180	23631293	Lê Quỳnh	Anh	16/11/2005	Nữ	TP. HCM	7.0	8.8	6.4	7.4	Đạt
11	A2-03	24641048	Lê Thị Ngọc	Anh	14/03/2006	Nữ	Long An	6.0	7.4	9.6	7.7	Đạt
12	A2-50	24631215	Nguyễn Hoàng	Anh	07/06/2006	Nam	Khánh Hòa	7.5	8.1	6.0	7.2	Đạt
13	A2-366	25614159	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	02/08/2007	Nữ	TP. HCM	7.0	5.8	6.4	6.4	Đạt
14	A2-140	25631227	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	27/11/2007	Nữ	Long An	8.5	8.0	9.6	8.7	Đạt
15	A2-406	24641297	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	16/06/2006	Nữ	Thanh Hóa	7.5	8.5	8.8	8.3	Đạt
16	A2-49	24631008	Phạm Ngọc Lan	Anh	05/02/2004	Nữ	Hung Yên	7.5	8.6	6.0	7.4	Đạt
17	A2-93	24600235	Trần Ngọc Lan	Anh	27/03/2006	Nữ	Bình Định	5.5	8.3	8.0	7.3	Đạt
18	A2-323	23631181	Trần Ngọc Trâm	Anh	05/03/2005	Nữ	Đồng Nai	8.0	6.9	9.2	8.0	Đạt

TT	Số BD	Thông tin sinh viên						Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết	Nghe			
19	A2-231	25631042	Vũ Thị Quỳnh	Anh	11/10/2001	Nữ	Hải Dương	7.0	9.8	8.4	8.4	Đạt	
20	A2-94	24612100	Nguyễn Thị Minh	Ánh	26/04/2006	Nữ	Thanh Hóa	6.0	9.3	6.4	7.2	Đạt	
21	A2-367	25614157	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	12/11/2007	Nữ	Lâm Đồng	7.0	8.3	8.0	7.8	Đạt	
22	A2-277	24631296	Trịnh Thị Nhật	Băng	01/09/2006	Nữ	Bạc Liêu	8.0	6.9	6.0	7.0	Đạt	
23	A2-141	23682083	Nguyễn Gia	Bảo	23/06/2005	Nam	TP. HCM	7.5	3.8	5.6	5.6	Đạt	
24	A2-232	24662016	Nguyễn Thuận	Bảo	31/10/2006	Nam	TP. HCM	7.0	8.0	7.2	7.4	Đạt	
25	A2-233	24662012	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	10/11/2006	Nữ	Thái Bình	5.5	4.8	8.4	6.2	Đạt	
26	A2-95	24612072	Trương Thanh	Bình	21/06/2005	Nam	Bình Dương	7.0	9.3	9.2	8.5	Đạt	
27	A2-181	22635015	Bùi Thị Hồng	Cầm	11/09/2003	Nữ	Bến Tre	8.0	7.2	2.4	5.9	Đạt	
28	A2-05	24611084	Đoàn Loan	Châu	03/05/2006	Nữ	Khánh Hòa	5.5	9.4	8.8	7.9	Đạt	
29	A2-182	24631034	Huỳnh Hoa	Châu	28/03/2005	Nữ	TP. HCM	8.0	9.6	8.0	8.5	Đạt	
30	A2-234	25631097	Nguyễn Hoàn	Châu	07/03/2004	Nữ	TP. HCM	7.0	9.0	6.4	7.5	Đạt	
31	A2-04	23631318	Phạm Thị Minh	Châu	30/06/2005	Nữ	Bình Thuận	6.0	7.3	2.8	5.4	Đạt	
32	A2-142	24631261	Trần Diễm	Châu	09/03/2006	Nữ	Bến Tre	7.0	6.4	6.0	6.5	Đạt	
33	A2-97	24600329	Nguyễn Trà	Chi	18/11/2006	Nữ	Gia Lai	5.0	8.4	7.6	7.0	Đạt	
34	A2-98	24662010	Vương Thế	Công	06/07/2006	Nam	TP. HCM	6.0	8.5	7.6	7.4	Đạt	
35	A2-06	24635053	Nguyễn Thị Thu	Cúc	16/12/2006	Nữ	TP. HCM	7.0	9.4	9.6	8.7	Đạt	
36	A2-99	24662013	Đặng Quốc	Cường	16/06/2006	Nam	Đồng Nai	8.0	8.5	9.6	8.7	Đạt	
37	A2-143	25641447	Trương Tuấn	Cường	28/07/2005	Nam	TP. HCM	7.0	8.5	4.4	6.6	Đạt	
38	A2-278	24600344	Nguyễn Phúc	Đàm	20/04/2005	Nam	An Giang	6.0	8.6	8.0	7.5	Đạt	
39	A2-52	24631297	Trần Thị Cẩm	Đào	17/04/2006	Nữ	Long An	7.0	9.4	9.6	8.7	Đạt	
40	A2-07	24611200	Võ Phạm Hồng	Đào	31/10/2006	Nữ	Long An	7.5	8.2	8.8	8.2	Đạt	
41	A2-100	25611139	Đào Nhân	Đạt	28/02/2006	Nam	Tây Ninh	8.0	7.5	6.8	7.4	Đạt	
42	A2-368	24600046	Đinh Văn	Đạt	10/12/2003	Nam	Phú Yên	6.5	6.1	8.8	7.1	Đạt	
43	A2-450	23681020	Huỳnh Phước	Đạt	24/07/2005	Nam	Kiên Giang	5.0	3.9	6.4	5.1	Đạt	
44	A2-235	24662017	Ngô Tấn	Đạt	17/08/2005	Nam	TP. HCM	8.5	8.9	8.8	8.7	Đạt	

TT	Số BD	Thông tin sinh viên					Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú	
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết				Nghe
45	A2-236	24662003	Nguyễn Quốc	Đạt	07/07/2006	Nam	TP. HCM	7.0	7.4	9.2	7.9	Đạt	
46	A2-408	24641080	Tạ Thành	Đạt	16/03/2006	Nam	Tiền Giang	6.0	4.0	6.8	5.6	Đạt	
47	A2-369	25614336	Bùi Ngọc Hân	Di	02/04/2007	Nữ	TP. HCM	9.0	6.9	7.6	7.8	Đạt	
48	A2-325	23682077	Đinh Thị Thanh	Diễm	10/07/2005	Nữ	Đắk Lắk	7.5	6.9	8.0	7.5	Đạt	
49	A2-370	24600293	Trương Thị Ngọc	Diễm	23/09/2006	Nữ	Đắk Lắk	7.5	8.5	7.2	7.7	Đạt	
50	A2-448	23612118	Huỳnh Thị Ngọc	Diệp	14/08/2005	Nữ	Bà Rịa-Vũng Tàu	5.0	9.3	9.6	8.0	Đạt	
51	A2-101	25614177	Bích Thị	Diệu	06/04/2003	Nữ	Lâm Đồng	7.5	7.7	8.4	7.9	Đạt	
52	A2-237	25614359	Đào Ngọc	Diệu	05/10/2007	Nữ	Thừa Thiên - Huế	7.5	9.4	8.8	8.6	Đạt	
53	A2-55	24631013	Nguyễn Hoàng Ngọc	Diệu	16/09/2005	Nữ	TP. HCM	8.0	9.0	9.2	8.7	Đạt	
54	A2-184	24682087	Trần Thị Ngọc	Diệu	08/11/2006	Nữ	Ninh Thuận	7.0	7.9	9.2	8.0	Đạt	
55	A2-54	24682138	Võ Thị Hoài	Diệu	27/11/2006	Nữ	Quảng Ngãi	7.0	8.2	4.4	6.5	Đạt	
56	A2-56	24631020	Nguyễn Văn	Đông	14/11/2003	Nam	An Giang	8.0	9.3	7.2	8.2	Đạt	
57	A2-462	23641189	Nguyễn Hữu	Đức	18/08/2005	Nam	TP. HCM	7.5	3.7	6.0	5.7	Đạt	
58	A2-185	25636043	Trần Bá Minh	Đức	13/09/2007	Nam	Nam Định	6.0	7.5	7.6	7.0	Đạt	
59	A2-57	24682025	Đỗ Thị Ngọc	Dung	24/06/2003	Nữ	TP. HCM	9.0	7.9	6.0	7.6	Đạt	
60	A2-409	22634022	Nguyễn Lương Việt	Dũng	13/04/2003	Nam	TP. HCM	6.0	7.7	7.6	7.1	Đạt	
61	A2-279	24631305	Nguyễn Trí	Dũng	01/07/2004	Nam	TP. HCM	8.0	6.8	8.0	7.6	Đạt	
62	A2-280	24631356	Trần Thị Thuý	Dương	17/10/2003	Nữ	TP. HCM	8.0	9.0	8.8	8.6	Đạt	
63	A2-238	24612043	Đoàn Thị Hồng	Duyên	10/11/2006	Nữ	Đồng Nai	6.0	9.6	10.0	8.5	Đạt	
64	A2-58	24631233	Huỳnh Ngọc	Duyên	28/02/2006	Nữ	Tiền Giang	8.5	4.3	3.2	5.3	Đạt	
65	A2-281	24611159	Ngô Trần Kiều	Duyên	02/03/2006	Nữ	Cà Mau	7.0	9.2	8.4	8.2	Đạt	
66	A2-08	24641196	Nguyễn Thị Bé	Duyên	08/01/2006	Nữ	Long An	7.0	4.0	5.2	5.4	Đạt	
67	A2-327	23631118	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	28/08/2005	Nữ	TP. HCM	7.5	8.3	7.2	7.7	Đạt	
68	A2-59	24631257	Nguyễn Ngọc Mỹ	Duyên	09/11/2006	Nữ	Tiền Giang	9.5	8.8	7.6	8.6	Đạt	
69	A2-10	24611028	Lý Gia	Gia	20/03/2002	Nữ	TP. HCM	7.5	4.0	3.6	5.0	Đạt	
70	A2-09	24611188	Nguyễn Trương Hoàng	Gia	23/06/2005	Nữ	TP. HCM	9.0	8.7	4.4	7.4	Đạt	

TT	Số BD	Thông tin sinh viên						Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết	Nghe			
71	A2-239	24662035	Thái Hoàng	Gia	17/05/2006	Nam	TP. HCM	8.0	8.9	9.2	8.7	Đạt	
72	A2-282	24671025	Nguyễn Trà	Giang	07/10/2005	Nữ	Đắk Lắk	4.5	7.0	3.6	5.0	Đạt	
73	A2-61	24631022	Cao Thị Thu	Hà	30/09/2005	Nữ	TP. HCM	6.0	5.2	8.0	6.4	Đạt	
74	A2-371	24641123	Lê Hải Sơn	Hà	27/08/2006	Nam	TP. HCM	6.0	3.8	7.6	5.8	Đạt	
75	A2-328	22631248	Phạm Nguyễn Khánh	Hà	01/02/2004	Nữ	Quảng Ngãi	8.0	6.7	8.0	7.6	Đạt	
76	A2-186	24600151	Nguyễn Võ Sơn	Hà	14/12/2006	Nữ	TP. HCM	5.0	3.6	7.2	5.3	Đạt	
77	A2-145	24631329	Đặng Thị Bé	Hai	26/10/2006	Nữ	Bến Tre	9.0	7.3	4.4	6.9	Đạt	
78	A2-11	25641034	Huỳnh Thanh	Hải	03/03/2002	Nam	TP. HCM	7.0	9.0	3.6	6.5	Đạt	
79	A2-102	25611151	Nguyễn Thanh	Hải	09/04/2007	Nam	TP. HCM	8.5	9.7	9.2	9.1	Đạt	
80	A2-329	24631197	Châu Thị Ngọc	Hân	14/09/2003	Nữ	Đồng Tháp	7.0	8.0	7.6	7.5	Đạt	
81	A2-12	24641195	Huỳnh Ngọc	Hân	12/05/2006	Nữ	Long An	5.5	4.1	5.6	5.1	Đạt	
82	A2-240	25641433	Huỳnh Ngọc	Hân	14/05/2007	Nữ	Tiền Giang	6.0	7.4	6.4	6.6	Đạt	
83	A2-372	24600039	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	24/05/2006	Nữ	Đồng Nai	6.5	6.9	7.2	6.9	Đạt	
84	A2-62	24682136	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	15/06/2006	Nữ	TP. HCM	7.5	4.1	5.2	5.6	Đạt	
85	A2-410	23641208	Vương Thị Ngọc	Hân	13/02/2005	Nữ	Tây Ninh	6.0	6.1	8.4	6.8	Đạt	
86	A2-187	24600168	Đoàn Thị Thuý	Hằng	18/05/2006	Nữ	Bến Tre	8.0	8.5	6.4	7.6	Đạt	
87	A2-373	25641003	Lê Thị Cẩm	Hằng	04/09/2002	Nữ	Cà Mau	7.5	7.2	7.2	7.3	Đạt	
88	A2-13	24635208	Lê Thị Thu	Hằng	30/08/2006	Nữ	TP. HCM	7.0	6.9	5.2	6.4	Đạt	
89	A2-146	25641375	Mai Thị Thuý	Hằng	11/05/2007	Nữ	TP. HCM	8.5	8.5	4.0	7.0	Đạt	
90	A2-63	24631276	Trần Thanh	Hằng	12/01/2006	Nữ	TP. HCM	8.0	8.5	9.6	8.7	Đạt	
91	A2-283	25635061	Nguyễn Võ Minh	Hằng	01/05/2007	Nữ	TP. HCM	6.0	7.2	4.0	5.7	Đạt	
92	A2-330	24631153	Phạm Hồng	Hạnh	07/04/2001	Nữ	TP. HCM	6.0	8.9	7.6	7.5	Đạt	
93	A2-147	23600123	Trần Thị Mỹ	Hạnh	11/10/2005	Nữ	Bà Rịa-Vũng Tàu	7.0	8.1	4.4	6.5	Đạt	
94	A2-14	24634022	Trần Công	Hậu	28/04/2006	Nam	Bình Thuận	7.5	8.0	6.8	7.4	Đạt	
95	A2-331	25671004	Nguyễn Thị	Hiền	26/07/2003	Nữ	Hung Yên	7.5	7.7	7.2	7.5	Đạt	
96	A2-284	24671038	Nguyễn Thị Thu	Hiền	16/09/2005	Nữ	TP. HCM	6.5	6.5	3.6	5.5	Đạt	

TT	Số BD	Thông tin sinh viên					Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú	
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết				Nghe
97	A2-374	24600277	Võ Thị Ngọc	Hiền	25/10/2006	Nữ	Quảng Ngãi	5.5	3.7	8.0	5.7	Đạt	
98	A2-285	24600133	Trần Thái	Hiệp	01/01/2006	Nam	Tiền Giang	7.0	9.1	10.0	8.7	Đạt	
99	A2-188	24600376	Đinh Ngọc	Hiếu	05/01/2006	Nam	Đắk Lắk	4.0	5.4	10.0	6.5	Đạt	
100	A2-286	24611122	Nguyễn Thị	Hiếu	10/12/2006	Nữ	Đắk Lắk	7.0	9.5	10.0	8.8	Đạt	
101	A2-149	23631372	Huỳnh Tuyết	Hoa	01/10/2003	Nữ	TP. HCM	6.5	5.8	5.6	6.0	Đạt	
102	A2-332	23682066	Nguyễn Thị	Hoa	26/03/2005	Nữ	Thanh Hóa	7.5	6.7	7.6	7.3	Đạt	
103	A2-15	24641342	Tô Thị	Hoà	13/03/2006	Nữ	Thanh Hóa	7.0	9.2	5.2	7.1	Đạt	
104	A2-16	23611034	Nguyễn Ngọc	Hòa	29/07/2002	Nữ	Thừa Thiên - Huế	9.0	4.7	9.2	7.6	Đạt	
105	A2-457	24631272	Lý Điền	Hoành	17/08/1999	Nam	TP. HCM	8.0	8.8	8.8	8.5	Đạt	
106	A2-411	24631089	Nguyễn Thị Trúc	Hồng	24/08/2005	Nữ	Đắk Nông	6.0	9.4	9.6	8.3	Đạt	
107	A2-333	24635142	Đỗ Thị Ngọc	Huệ	15/11/2006	Nữ	Tiền Giang	5.0	6.5	6.8	6.1	Đạt	
108	A2-456	22641488	Trần Quốc	Hùng	21/11/2004	Nam	TP. HCM	5.0	3.9	8.8	5.9	Đạt	
109	A2-189	24600536	Lê Dương	Hưng	19/04/2006	Nam	Đồng Tháp	5.0	3.9	10.0	6.3	Đạt	
110	A2-65	24631243	Mai Thị Lan	Hương	16/03/2006	Nữ	Đồng Nai	7.0	9.4	8.4	8.3	Đạt	
111	A2-241	25631159	Nguyễn Thành	Hữu	05/06/2007	Nam	Bình Thuận	7.8	9.5	7.6	8.3	Đạt	
112	A2-242	24612066	Huỳnh Gia	Huy	18/11/2006	Nam	Bến Tre	6.5	9.0	10.0	8.5	Đạt	
113	A2-66	24682085	Nguyễn Gia	Huy	29/09/2006	Nam	TP. HCM	7.0	7.2	6.4	6.9	Đạt	
114	A2-190	23612002	Nguyễn Phương	Huy	20/02/2000	Nữ	Tiền Giang	7.0	8.1	4.8	6.6	Đạt	
115	A2-375	24641154	Phạm Đức	Huy	30/09/2005	Nam	TP. HCM	5.0	3.3	8.4	5.6	Đạt	
116	A2-103	24641372	Trần Lý Gia	Huy	20/05/2001	Nam	Bình Phước	7.0	8.4	8.8	8.1	Đạt	
117	A2-412	24611215	Trần Ngọc	Huy	26/12/2002	Nam	TP. HCM	7.5	7.2	6.4	7.0	Đạt	
118	A2-414	24600548	Nguyễn Thị	Huyền	05/04/2005	Nữ	TP. HCM	4.5	3.3	7.6	5.1	Đạt	
119	A2-19	24635139	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	14/07/2006	Nữ	Bình Phước	7.0	7.7	10.0	8.2	Đạt	
120	A2-413	24641270	Trần Thị Mỹ	Huyền	30/03/2006	Nữ	Lâm Đồng	7.5	8.6	7.6	7.9	Đạt	
121	A2-151	24612106	Đỗ Minh	Khải	28/09/2005	Nam	Cần Thơ	8.0	9.9	8.0	8.6	Đạt	
122	A2-20	23671016	Phan Minh	Khang	13/02/2005	Nam	TP. HCM	7.0	7.4	6.0	6.8	Đạt	

TT	Số BD	Thông tin sinh viên						Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết	Nghe			
123	A2-376	24600161	Phan Thanh	Khánh	14/02/2006	Nữ	Hà Tĩnh	5.0	8.1	8.8	7.3	Đạt	
124	A2-243	24662034	Hứa Đăng	Khoa	15/06/2006	Nam	TP. HCM	8.0	9.9	10.0	9.3	Đạt	
125	A2-67	24682078	Nguyễn Đăng	Khoa	25/02/2006	Nam	TP. HCM	8.0	7.5	5.6	7.0	Đạt	
126	A2-460	22631224	Nguyễn Đăng	Khoa	26/07/2003	Nam	TP. HCM	6.0	4.3	8.4	6.2	Đạt	
127	A2-451	23681047	Vũ Đức Duy	Kiểm	22/01/2003	Nam	TP. HCM	6.0	7.5	8.8	7.4	Đạt	
128	A2-416	23600219	Nguyễn Trung	Kiên	15/02/2005	Nam	An Giang	8.5	3.4	6.4	6.1	Đạt	
129	A2-377	23661060	Nguyễn Anh	Kiệt	27/09/2005	Nam	Đắk Lắk	6.5	4.4	9.2	6.7	Đạt	
130	A2-152	23600097	Nguyễn Tuấn	Kiệt	24/01/2005	Nam	TP. HCM	7.5	7.3	7.6	7.5	Đạt	
131	A2-379	24641255	Trương Ngọc Xuân	Lan	18/06/2006	Nữ	Đồng Nai	7.0	6.0	5.6	6.2	Đạt	
132	A2-380	24662005	Nguyễn Hoàng	Lân	03/11/2003	Nam	TP. HCM	7.0	6.5	9.2	7.6	Đạt	
133	A2-22	24661056	Thái Thanh	Liêm	23/09/2006	Nam	TP. HCM	8.0	4.0	5.2	5.7	Đạt	
134	A2-68	24631275	Võ Thị Kiều	Liên	09/01/2005	Nữ	An Giang	9.0	7.6	3.2	6.6	Đạt	
135	A2-104	25611147	Dương Thị Bích	Liều	22/06/2007	Nữ	Đồng Tháp	5.5	7.2	6.4	6.4	Đạt	
136	A2-289	24611066	Đặng Thị Trúc	Linh	29/05/2006	Nữ	Đồng Tháp	6.5	5.2	4.4	5.4	Đạt	
137	A2-290	24611172	Đỗ Trúc	Linh	24/10/2004	Nữ	TP. HCM	7.0	8.7	9.2	8.3	Đạt	
138	A2-191	24631256	Dương Trúc	Linh	16/10/2006	Nữ	TP. HCM	7.5	9.5	10.0	9.0	Đạt	
139	A2-381	24600002	Nguyễn Khánh	Linh	30/10/2004	Nữ	TP. HCM	8.5	6.8	8.4	7.9	Đạt	
140	A2-105	24600208	Nguyễn Ngọc Thuý	Linh	23/07/2006	Nữ	TP. HCM	7.5	7.8	7.2	7.5	Đạt	
141	A2-334	23682121	Nguyễn Trần Hồng	Linh	08/08/2005	Nữ	Đồng Tháp	9.0	6.7	8.0	7.9	Đạt	
142	A2-107	24600312	Phan Thị Mỹ	Linh	01/09/2006	Nữ	Thừa Thiên - Huế	8.0	7.3	9.6	8.3	Đạt	
143	A2-244	24641216	Hồ Thị Bích	Loan	12/10/2006	Nữ	Bình Phước	6.0	8.4	7.6	7.3	Đạt	
144	A2-192	25651019	Nguyễn Thị Kiều	Loan	19/02/2007	Nữ	An Giang	6.0	7.3	8.0	7.1	Đạt	
145	A2-108	24662008	Lê Đức	Lộc	15/05/2006	Nam	Tiền Giang	5.0	5.4	5.6	5.3	Đạt	
146	A2-245	24662018	Phan Thế	Lợi	03/11/2006	Nam	Đồng Nai	6.8	8.8	7.6	7.7	Đạt	
147	A2-246	24641226	Nguyễn Phi	Long	06/09/2003	Nam	TP. HCM	6.5	9.7	8.8	8.3	Đạt	
148	A2-337	24635084	Nguyễn Phi	Long	02/03/2006	Nam	Quảng Ngãi	7.5	6.3	4.8	6.2	Đạt	

TT	Số BD	Thông tin sinh viên						Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú	
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết	Nghe				
149	A2-336	23600228	Nguyễn Văn	Thành	Long	17/08/2005	Nam	Đắk Nông	7.5	6.3	4.0	5.9	Đạt	
150	A2-382	24600010	Trần Hải	Hoàng	Long	04/08/2004	Nam	TP. HCM	8.5	4.7	9.6	7.6	Đạt	
151	A2-383	24661021	Vũ Hoàng		Long	17/02/2006	Nam	TP. HCM	8.0	9.0	10.0	9.0	Đạt	
152	A2-444	24600271	Trần Mạnh		Luân	23/07/2006	Nam	TP. HCM	7.0	7.9	5.2	6.7	Đạt	
153	A2-109	24600224	Châu Khánh		Ly	28/07/2006	Nữ	TP. HCM	5.5	7.4	5.6	6.2	Đạt	
154	A2-417	20612057	Trần Thị	Cầm	Ly	07/06/2002	Nữ	Bến Tre	5.0	3.5	7.6	5.4	Đạt	
155	A2-293	24631274	Néang Si		Mai	04/02/2006	Nữ	An Giang	5.0	4.5	7.2	5.6	Đạt	
156	A2-193	24682014	Nguyễn Huỳnh	Kim	Mai	22/07/2003	Nữ	Bến Tre	6.0	7.7	9.4	7.7	Đạt	
157	A2-291	23631297	Nguyễn Ngọc		Mai	12/04/2005	Nữ	TP. HCM	6.5	9.5	10.0	8.7	Đạt	
158	A2-292	24631312	Trương Ngọc		Mai	23/08/2006	Nữ	Gia Lai	7.5	8.8	8.4	8.2	Đạt	
159	A2-384	24641252	Lê Đức		Mạnh	02/04/2004	Nam	Bình Phước	5.0	4.0	7.6	5.5	Đạt	
160	A2-247	25631136	Nguyễn Quang		Minh	24/02/2007	Nam	TP. HCM	8.3	9.1	8.0	8.5	Đạt	
161	A2-248	25641062	Trần Ngọc		Minh	17/09/2006	Nữ	TP. HCM	8.0	9.5	6.8	8.1	Đạt	
162	A2-418	24600561	Bùi Ngọc	Kiều	My	15/05/2005	Nữ	Tiền Giang	6.0	6.8	6.8	6.5	Đạt	
163	A2-69	24631201	Huỳnh Thị	Trà	My	18/09/2006	Nữ	Bình Định	9.0	9.3	8.0	8.8	Đạt	
164	A2-23	24635200	Nguyễn Trà		My	03/10/2005	Nữ	Gia Lai	6.5	8.7	6.4	7.2	Đạt	
165	A2-110	25611159	Trần Thị		My	22/10/2007	Nữ	Thái Bình	7.5	9.2	9.2	8.6	Đạt	
166	A2-338	23600297	Vũ Nguyễn	Hà	My	30/08/2006	Nữ	Long An	7.5	3.5	5.6	5.5	Đạt	
167	A2-249	24641159	Lâm Thị	Tuyết	Mỹ	10/01/2005	Nữ	TP. HCM	7.5	9.1	5.2	7.3	Đạt	
168	A2-111	24600216	Lê Thị	Cầm	Mỹ	07/09/2006	Nữ	Bình Phước	5.0	8.7	6.8	6.8	Đạt	
169	A2-385	25651003	Phạm Thị	Thanh	Mỹ	29/02/2004	Nữ	Tây Ninh	7.0	8.1	8.8	8.0	Đạt	
170	A2-250	24662030	Nguyễn Ngọc		Mỹ	26/01/2006	Nữ	Sóc Trăng	9.0	9.3	10.0	9.4	Đạt	
171	A2-194	24600494	Trần Hạo		Nam	25/10/2006	Nam	Đồng Nai	5.0	6.2	8.4	6.5	Đạt	
172	A2-24	25671029	Lê Thị	Thúy	Nga	16/05/1990	Nữ	TP. HCM	7.0	6.6	3.6	5.7	Đạt	
173	A2-294	24641246	Chấn Thị	Kim	Ngân	22/06/2006	Nữ	TP. HCM	6.0	1.7	8.0	5.2	Đạt	
174	A2-113	24635089	Hà Thị	Bích	Ngân	07/06/2006	Nữ	TP. HCM	6.0	8.5	6.8	7.1	Đạt	

TT	Số BD	Thông tin sinh viên						Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết	Nghe			
175	A2-154	24641096	Huỳnh Nguyễn	Ngân	15/06/2006	Nữ	Bến Tre	5.0	5.1	6.0	5.4	Đạt	
176	A2-155	24631206	Lê Thị Thu	Ngân	20/04/2006	Nữ	Đồng Tháp	7.0	8.1	10.0	8.4	Đạt	
177	A2-195	24631023	Nguyễn Hà Tâm	Ngân	14/07/2005	Nữ	Bình Thuận	5.5	9.6	10.0	8.4	Đạt	
178	A2-449	24600214	Nguyễn Kiều	Ngân	14/04/2006	Nữ	Long An	4.0	7.6	6.8	6.1	Đạt	
179	A2-197	24631070	Nguyễn Lý Kim	Ngân	17/01/2006	Nữ	TP. HCM	7.0	9.2	9.6	8.6	Đạt	
180	A2-112	24600288	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	08/08/2006	Nữ	Khánh Hòa	6.0	8.0	8.4	7.5	Đạt	
181	A2-446	24641075	Nguyễn Thị Kim	Ngân	17/10/2006	Nữ	Long An	5.0	7.3	7.2	6.5	Đạt	
182	A2-196	24631253	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	22/06/2006	Nữ	TP. HCM	6.0	9.1	10.0	8.4	Đạt	
183	A2-252	25631013	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	19/05/2002	Nữ	Vĩnh Long	6.0	9.5	9.6	8.4	Đạt	
184	A2-251	24641257	Phạm Nguyễn Thùy	Ngân	27/10/2006	Nữ	Quảng Ngãi	7.0	9.7	9.2	8.6	Đạt	
185	A2-70	24631277	Tổng Vũ Ngọc	Ngân	27/09/2006	Nữ	TP. HCM	8.0	8.4	8.0	8.1	Đạt	
186	A2-26	24635147	Trần Thị Thúy	Ngân	01/08/2006	Nữ	Tiền Giang	6.5	8.2	9.2	8.0	Đạt	
187	A2-198	24600070	Hà Nguyễn Phương	Nghi	08/12/2005	Nữ	TP. HCM	9.0	9.0	10.0	9.3	Đạt	
188	A2-253	24612065	Nguyễn Thị Phương	Nghi	11/07/2006	Nữ	Đồng Tháp	7.0	9.6	10.0	8.9	Đạt	
189	A2-28	23682119	Trần Tuấn	Nghị	08/10/2005	Nam	TP. HCM	8.0	8.2	4.0	6.7	Đạt	
190	A2-419	24641327	Lê Xuân	Nghĩa	04/01/2004	Nam	TP. HCM	7.0	9.6	9.2	8.6	Đạt	
191	A2-115	25614421	Ngô Quốc	Nghĩa	07/06/2007	Nam	TP. HCM	8.0	9.1	8.4	8.5	Đạt	
192	A2-29	24634014	Trương Hữu	Nghĩa	07/10/2006	Nam	Tiền Giang	6.0	3.6	6.8	5.5	Đạt	
193	A2-254	24611132	Huỳnh Thanh Như	Ngọc	12/09/2004	Nữ	Long An	6.5	7.1	9.6	7.7	Đạt	
194	A2-157	24631282	Nguyễn Thị Thanh	Ngọc	24/09/2006	Nữ	Tây Ninh	7.0	8.2	6.0	7.1	Đạt	
195	A2-156	25641390	Tô Minh	Ngọc	12/08/2003	Nữ	Bến Tre	7.0	6.0	7.2	6.7	Đạt	
196	A2-339	24635143	Danh Mỹ	Ngọc	05/07/2006	Nữ	TP. HCM	8.0	5.0	9.2	7.4	Đạt	
197	A2-420	24641273	Trần Khánh	Ngọc	22/11/2006	Nữ	TP. HCM	9.5	7.9	6.8	8.1	Đạt	
198	A2-158	23631237	Nguyễn Trần Thảo	Nguyên	15/07/2005	Nữ	Ninh Thuận	7.0	3.8	5.2	5.3	Đạt	
199	A2-199	24631199	Phạm Gia	Nguyên	04/12/2006	Nam	An Giang	7.5	9.7	9.6	8.9	Đạt	
200	A2-297	24631155	Nguyễn Duy	Nguyễn	01/11/2006	Nam	Long An	7.0	4.8	8.8	6.9	Đạt	

TT	Số BD	Thông tin sinh viên						Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết	Nghe			
201	A2-421	24611173	Lê Bá Khánh	Nguyên	12/08/2006	Nam	Ninh Thuận	9.0	9.2	8.0	8.7	Đạt	
202	A2-200	24631270	Thổ Đặng Thanh	Nhã	12/11/2006	Nữ	Bình Thuận	7.5	9.8	10.0	9.1	Đạt	
203	A2-447	24641207	Đoàn Nguyễn Thành	Nhân	17/10/2005	Nam	Đồng Nai	6.0	9.1	8.0	7.7	Đạt	
204	A2-298	22661072	Nguyễn Trọng	Nhân	27/08/2004	Nam	Bến Tre	8.0	8.8	7.2	8.0	Đạt	
205	A2-422	24641090	Nguyễn Minh	Nhật	25/06/2006	Nam	Quảng Ngãi	7.5	3.3	6.8	5.9	Đạt	
206	A2-255	25631288	Trần Bá Minh	Nhật	13/09/2007	Nam	Nam Định	7.0	8.1	8.0	7.7	Đạt	
207	A2-31	24635215	Đặng Thị Yên	Nhi	20/06/2005	Nữ	TP. HCM	6.5	7.3	6.4	6.7	Đạt	
208	A2-71	24631149	Hoàng Yên	Nhi	17/10/2006	Nữ	Bình Định	7.5	8.1	8.8	8.1	Đạt	
209	A2-30	24634013	Huỳnh Nguyễn Phương	Nhi	02/11/2006	Nữ	Long An	7.0	9.1	9.2	8.4	Đạt	
210	A2-425	24641111	Huỳnh Thanh Nguyệt	Nhi	14/01/2006	Nữ	Tiền Giang	5.0	8.3	6.4	6.6	Đạt	
211	A2-159	25631216	Lâm Thanh	Nhi	07/12/2005	Nữ	TP. HCM	8.0	10.0	9.6	9.2	Đạt	
212	A2-424	24641232	Lâm Thị Mỹ	Nhi	20/01/2006	Nữ	Khánh Hòa	5.0	8.0	7.6	6.9	Đạt	
213	A2-256	24641234	Lê Hoàng Bảo	Nhi	13/04/2006	Nữ	TP. HCM	6.8	8.4	8.4	7.9	Đạt	
214	A2-340	23600070	Lê Nguyễn Bình	Nhi	09/09/2005	Nữ	Đắk Lắk	8.0	5.9	3.6	5.8	Đạt	
215	A2-201	24635122	Nguyễn Ngọc Yên	Nhi	26/04/2005	Nữ	Khánh Hòa	8.0	9.5	8.0	8.5	Đạt	
216	A2-423	25631361	Trần Thị Yên	Nhi	29/09/1997	Nữ	Cần Thơ	8.0	9.4	8.4	8.6	Đạt	
217	A2-299	24611014	Võ Tú	Nhi	06/04/2005	Nữ	Đồng Tháp	8.0	7.8	8.4	8.1	Đạt	
218	A2-341	20682074	Huỳnh Thị Quỳnh	Như	28/12/2002	Nữ	Kiên Giang	8.5	9.3	9.2	9.0	Đạt	
219	A2-203	24611165	Nguyễn Lê Quỳnh	Như	01/10/2006	Nữ	TP. HCM	7.0	9.7	10.0	8.9	Đạt	
220	A2-258	24641295	Nguyễn Ngọc	Như	19/08/2006	Nữ	Vĩnh Long	6.5	8.1	7.6	7.4	Đạt	
221	A2-257	24641150	Nguyễn Thị Cẩm	Như	13/07/2006	Nữ	TP. HCM	7.0	8.5	7.2	7.6	Đạt	
222	A2-32	24635107	Phạm Ngọc Phương	Như	28/06/2006	Nữ	Đồng Nai	7.5	9.4	10.0	9.0	Đạt	
223	A2-116	25611164	Phan Kiều	Như	26/01/2007	Nữ	TP. HCM	7.0	8.1	9.6	8.2	Đạt	
224	A2-161	24641182	Trần Ngọc Quỳnh	Như	30/09/2005	Nữ	TP. HCM	8.0	9.1	10.0	9.0	Đạt	
225	A2-160	24600218	Trần Nguyễn Quỳnh	Như	02/07/2005	Nữ	Đồng Nai	6.0	3.6	5.6	5.1	Đạt	
226	A2-342	24635009	Trần Thị Quỳnh	Như	04/08/2004	Nữ	Long An	7.0	8.6	8.0	7.9	Đạt	

TT	Số BD	Thông tin sinh viên						Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết	Nghe			
227	A2-33	24635201	Lê Hồng	Nhung	06/07/2006	Nữ	TP. HCM	8.0	9.5	9.6	9.0	Đạt	
228	A2-205	25651022	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	15/10/2001	Nữ	Phú Thọ	5.0	4.9	8.0	6.0	Đạt	
229	A2-459	23641302	Trần Thị Ngọc	Niệm	29/07/2004	Nữ	TP. HCM	6.0	4.3	8.0	6.1	Đạt	
230	A2-386	24600007	Nguyễn Ngọc Phương	Oanh	14/10/2005	Nữ	TP. HCM	6.5	7.1	2.8	5.5	Đạt	
231	A2-426	23600180	Lý Chấn	Phong	17/12/2003	Nam	TP. HCM	7.0	8.6	7.6	7.7	Đạt	
232	A2-117	24641369	Trần Nhật	Phong	18/07/2006	Nam	TP. HCM	8.0	7.5	7.6	7.7	Đạt	
233	A2-389	24641040	Chung Hồng	Phúc	01/02/2006	Nam	TP. HCM	7.0	5.6	7.6	6.7	Đạt	
234	A2-34	24611210	Lê Minh	Phúc	30/10/2005	Nam	Bến Tre	7.0	4.2	6.4	5.9	Đạt	
235	A2-390	25651010	Nguyễn Văn	Phúc	07/09/2004	Nam	Long An	5.0	8.7	9.6	7.8	Đạt	
236	A2-35	22641388	Nguyễn Hưng	Phước	06/09/2004	Nam	TP. HCM	7.5	3.2	5.2	5.3	Đạt	
237	A2-163	25631238	Nguyễn Hoàng Yến	Phương	27/08/2007	Nữ	TP. HCM	7.0	8.8	7.2	7.7	Đạt	
238	A2-36	24611196	Trần Đức	Phương	17/03/2006	Nam	TP. HCM	8.0	4.7	6.4	6.4	Đạt	
239	A2-301	24671028	Y	Quãi	01/04/1998	Nữ	Kon Tum	7.0	3.7	6.4	5.7	Đạt	
240	A2-427	24641296	Phạm Phú	Quốc	21/06/2006	Nam	Khánh Hòa	7.0	10.0	9.6	8.9	Đạt	
241	A2-259	24641205	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	21/08/2006	Nữ	Đắk Lắk	7.0	8.4	8.8	8.1	Đạt	
242	A2-453	23635126	Bùi Thị	Quỳnh	22/02/2005	Nữ	Trà Vinh	6.3	8.6	5.2	6.7	Đạt	
243	A2-73	24631348	Phạm Nguyễn Trúc	Quỳnh	19/10/2006	Nữ	Vĩnh Long	8.0	9.3	8.4	8.6	Đạt	
244	A2-260	24641209	Phan Nguyễn Nhật	Quỳnh	08/08/2005	Nữ	Đồng Tháp	7.5	9.5	8.4	8.5	Đạt	
245	A2-118	24612097	Phan Như	Quỳnh	18/05/2006	Nữ	Lâm Đồng	6.5	10.0	9.6	8.7	Đạt	
246	A2-37	24611026	Trần Thái Mộng	Quỳnh	23/07/2003	Nữ	Đồng Tháp	7.0	7.0	7.2	7.1	Đạt	
247	A2-261	24641224	Bùi Như	Quỳnh	02/10/2006	Nữ	TP. HCM	6.0	10.0	7.2	7.7	Đạt	
248	A2-74	24631227	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	15/03/2006	Nữ	Ninh Thuận	9.0	9.6	9.2	9.3	Đạt	
249	A2-164	24671029	Trần Thị Diễm	Quỳnh	13/11/2005	Nữ	Hưng Yên	5.0	4.4	6.0	5.1	Đạt	
250	A2-428	24631038	Huỳnh Bội	San	13/10/2001	Nữ	TP. HCM	7.0	9.2	9.6	8.6	Đạt	
251	A2-391	24641179	Kha Tích	Sang	11/01/1998	Nam	TP. HCM	9.0	8.2	8.4	8.5	Đạt	
252	A2-429	21634025	Trần Vũ Phước	Sang	06/08/2003	Nam	TP. HCM	9.0	9.1	10.0	9.4	Đạt	

TT	Số BD	Thông tin sinh viên					Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú	
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết				Nghe
253	A2-165	25641382	Lâm	Son	13/05/2007	Nam	TP. HCM	6.0	7.2	7.2	6.8	Đạt	
254	A2-75	24631330	Hồ Minh	Sư	17/04/2006	Nam	Long An	7.0	8.9	7.6	7.8	Đạt	
255	A2-76	24631291	Huỳnh Thị Ngọc	Strong	05/01/2006	Nữ	Tiền Giang	8.0	3.7	3.2	5.0	Đạt	
256	A2-78	25611176	Bành Chí	Tài	16/01/2007	Nam	TP. HCM	7.5	8.4	7.6	7.8	Đạt	
257	A2-344	23682098	Châu Hữu	Tài	24/04/2004	Nam	TP. HCM	6.0	4.3	6.4	5.6	Đạt	
258	A2-77	25611014	Hồ Hữu	Tài	06/04/0002	Nam	TP. HCM	7.5	8.7	6.4	7.5	Đạt	
259	A2-430	24641078	Sầm Minh	Tâm	31/07/2006	Nam	TP. HCM	6.0	6.6	6.0	6.2	Đạt	
260	A2-79	24682140	Thái Thị Thành	Tâm	04/08/2006	Nữ	Hà Tĩnh	8.5	8.2	4.8	7.2	Đạt	
261	A2-80	24631232	Bùi Thị Hồng	Thắm	06/08/2006	Nữ	Bình Thuận	6.5	9.6	9.6	8.6	Đạt	
262	A2-119	24600137	Nguyễn Thị Ngọc	Thắm	26/02/2006	Nữ	Đồng Nai	7.0	7.7	6.4	7.0	Đạt	
263	A2-120	24612112	Lê Thị Phương	Thanh	01/01/2003	Nữ	Thanh Hóa	6.5	10.0	8.0	8.2	Đạt	
264	A2-303	24631306	Nguyễn Ngọc Hải	Thanh	01/08/2006	Nữ	TP. HCM	8.0	7.4	5.6	7.0	Đạt	
265	A2-455	24600172	Phạm Lộc	Thành	22/08/2006	Nam	Bình Phước	6.0	7.8	9.6	7.8	Đạt	
266	A2-454	24600159	Phan Văn	Thành	28/10/2006	Nam	Đắk Lắk	6.0	4.9	9.6	6.8	Đạt	
267	A2-345	23682120	Huỳnh Trung	Thạnh	11/07/2004	Nam	Đồng Tháp	6.5	5.4	7.2	6.4	Đạt	
268	A2-346	23641113	Nguyễn Xuân	Thành	09/04/2005	Nam	TP. HCM	6.0	4.0	7.2	5.7	Đạt	
269	A2-168	24611116	Hồ Thu	Thảo	21/11/2006	Nữ	TP. HCM	6.0	8.6	8.4	7.7	Đạt	
270	A2-207	24635209	Huỳnh Ngô Phương	Thảo	07/10/2005	Nữ	Khánh Hòa	6.0	8.6	6.8	7.1	Đạt	
271	A2-262	25614353	Nguyễn Thanh	Thảo	25/04/2007	Nữ	TP. HCM	7.5	8.6	9.2	8.4	Đạt	
272	A2-208	24682137	Trần Lê Thu	Thảo	24/02/2006	Nữ	Đồng Nai	5.5	7.6	7.2	6.8	Đạt	
273	A2-431	21631470	Vũ Thị Phương	Thảo	26/10/2002	Nữ	Nam Định	5.0	5.4	6.4	5.6	Đạt	
274	A2-263	24641184	Trương Thị Thanh	Thảo	12/05/2005	Nữ	Đắk Lắk	6.0	9.5	8.8	8.1	Đạt	
275	A2-81	24682054	Phan Nguyễn Hoàng	Thiện	10/08/2006	Nam	TP. HCM	5.0	5.0	7.6	5.9	Đạt	
276	A2-461	24611123	Đinh Phạm Quốc	Thịnh	10/04/2006	Nam	Đồng Nai	6.0	3.3	6.0	5.1	Đạt	
277	A2-452	23641077	Lê Quốc	Thịnh	20/07/2005	Nam	Hậu Giang	7.0	7.3	6.4	6.9	Đạt	
278	A2-169	24631175	Nguyễn Quỳnh	Thơ	24/10/2026	Nữ	Bình Thuận	6.0	6.7	3.2	5.3	Đạt	

TT	Số BD	Thông tin sinh viên					Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú	
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết				Nghe
279	A2-432	24600560	Nguyễn Thị Kim	Thoa	26/01/2002	Nữ	Tiền Giang	7.0	7.6	6.0	6.9	Đạt	
280	A2-392	24600289	Lê Minh	Thông	28/07/2003	Nam	Phú Yên	7.0	9.5	9.6	8.7	Đạt	
281	A2-82	24631299	Nguyễn Thị Ngọc	Thu	22/11/2004	Nữ	Tiền Giang	7.5	9.2	7.6	8.1	Đạt	
282	A2-210	21611234	Hoàng Thị Anh	Thư	27/08/2003	Nữ	Bình Thuận	8.0	7.4	2.8	6.1	Đạt	
283	A2-264	23635173	Huỳnh Anh	Thư	24/03/2005	Nữ	TP. HCM	7.0	9.1	7.6	7.9	Đạt	
284	A2-349	23600161	Ngô Thị Anh	Thư	19/09/2005	Nữ	Bình Thuận	7.5	4.2	5.6	5.8	Đạt	
285	A2-348	23600038	Nguyễn Lý Anh	Thư	14/02/2005	Nữ	TP. HCM	7.0	8.8	8.4	8.1	Đạt	
286	A2-121	25611156	Nguyễn Minh	Thư	14/01/2007	Nữ	Bà Rịa-Vũng Tàu	8.0	9.2	6.8	8.0	Đạt	
287	A2-38	24641223	Nguyễn Thanh	Thư	03/09/2006	Nữ	Khánh Hòa	4.0	7.6	6.4	6.0	Đạt	
288	A2-306	24600545	Nguyễn Thị Anh	Thư	02/12/2005	Nữ	Kiên Giang	9.5	7.9	7.2	8.2	Đạt	
289	A2-347	23611160	Nguyễn Thị Minh	Thư	05/03/2004	Nữ	Ninh Thuận	7.5	6.9	6.8	7.1	Đạt	
290	A2-83	24631268	Nguyễn Võ Anh	Thư	14/10/2006	Nữ	Bến Tre	6.5	7.2	8.0	7.2	Đạt	
291	A2-350	24635005	Phạm Huỳnh Anh	Thư	04/04/2005	Nữ	TP. HCM	7.5	7.8	8.4	7.9	Đạt	
292	A2-122	25611169	Phạm Minh	Thư	17/06/2007	Nữ	Đắk Nông	6.0	8.7	6.8	7.2	Đạt	
293	A2-304	24600525	Phạm Nguyễn Anh	Thư	07/02/2006	Nữ	TP. HCM	8.5	8.1	9.2	8.6	Đạt	
294	A2-351	24641143	Võ Hoàng Minh	Thư	31/05/2006	Nữ	TP. HCM	7.5	6.0	8.8	7.4	Đạt	
295	A2-305	24600463	Võ Thị Ngọc	Thư	21/09/2006	Nữ	Bình Thuận	8.0	2.2	5.6	5.3	Đạt	
296	A2-463	20631212	Trần Thị Anh	Thư	07/03/2002	Nữ	Bạc Liêu	7.0	4.8	5.6	5.8	Đạt	
297	A2-265	24662009	Nguyễn Ngọc	Thương	27/05/2003	Nam	TP. HCM	6.5	8.4	7.2	7.4	Đạt	
298	A2-170	25631225	Trần Dương Thanh	Thương	03/10/2004	Nữ	Bình Thuận	8.0	9.5	4.0	7.2	Đạt	
299	A2-393	25651006	Lê Thụy Xuân	Thúy	16/12/2002	Nữ	TP. HCM	6.5	9.1	9.6	8.4	Đạt	
300	A2-39	24611011	Phạm Ngọc Thanh	Thúy	27/09/2006	Nữ	Đồng Nai	8.5	5.2	1.2	5.0	Đạt	
301	A2-123	24600091	Trần Đỗ Thy	Thy	08/08/2005	Nữ	Bình Thuận	6.0	8.5	5.6	6.7	Đạt	
302	A2-124	24600013	Nguyễn Ngọc Thuý	Tiên	08/09/2005	Nữ	Đồng Tháp	9.0	9.1	6.8	8.3	Đạt	
303	A2-434	24600228	Nguyễn Phụng	Tiên	23/01/2006	Nữ	An Giang	7.0	6.3	3.6	5.6	Đạt	
304	A2-458	24682024	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	16/11/2006	Nữ	Bến Tre	5.0	8.4	5.2	6.2	Đạt	

TT	Số BD	Thông tin sinh viên					Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú	
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết				Nghe
305	A2-307	24671011	Nguyễn Thị Triều	Tiên	05/10/2003	Nữ	Bến Tre	7.0	6.7	7.2	7.0	Đạt	
306	A2-84	24631121	Trương Thị Cẩm	Tiên	01/10/2006	Nữ	Tây Ninh	7.5	8.4	7.6	7.8	Đạt	
307	A2-85	24682063	Huỳnh Vĩnh	Tiến	16/10/2006	Nam	TP. HCM	5.5	6.5	4.4	5.5	Đạt	
308	A2-266	24662027	Huỳnh Khánh	Tiền	05/08/2005	Nam	Bến Tre	7.0	7.6	6.8	7.1	Đạt	
309	A2-40	24635031	Huỳnh Nguyệt	Tịnh	18/02/2006	Nữ	Ninh Thuận	5.5	4.0	6.0	5.2	Đạt	
310	A2-126	23611104	Nguyễn Anh	Toàn	01/01/2005	Nam	Cà Mau	6.5	2.5	8.0	5.7	Đạt	
311	A2-353	24611117	Đỗ Thị Ngọc	Trâm	06/08/2006	Nữ	Bình Thuận	7.5	9.9	9.2	8.9	Đạt	
312	A2-171	24631164	Hà Ngọc Thu	Trâm	05/04/2006	Nữ	Đồng Nai	5.0	6.5	4.0	5.2	Đạt	
313	A2-215	24600169	Nguyễn Bảo	Trâm	15/05/2006	Nữ	TP. HCM	4.5	5.4	5.6	5.2	Đạt	
314	A2-394	24600465	Nguyễn Hà Mỹ	Trâm	02/06/2006	Nữ	Bình Thuận	6.5	3.8	7.6	6.0	Đạt	
315	A2-309	24600321	Nguyễn Thị Bích	Trâm	24/03/2006	Nữ	Bình Thuận	8.5	8.9	9.6	9.0	Đạt	
316	A2-86	24631208	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	05/04/2006	Nữ	Long An	6.5	5.7	6.4	6.2	Đạt	
317	A2-267	25614350	Trần Bảo	Trâm	11/11/2007	Nữ	TP. HCM	7.5	8.6	7.6	7.9	Đạt	
318	A2-308	24635160	Võ Thị Ngọc	Trâm	05/02/2006	Nữ	TP. HCM	7.0	6.5	6.8	6.8	Đạt	
319	A2-354	24611103	Võ Thị Ngọc	Trâm	05/11/2006	Nữ	Bình Thuận	7.5	8.1	8.0	7.9	Đạt	
320	A2-395	24600372	Huỳnh Châu Bảo	Trân	12/11/2006	Nữ	Đồng Nai	8.0	8.5	5.6	7.4	Đạt	
321	A2-268	24641140	Ngô Thị Bảo	Trân	10/04/2006	Nữ	TP. HCM	7.5	8.7	7.6	7.9	Đạt	
322	A2-435	24641261	Võ Thị Huyền	Trân	11/07/2006	Nữ	Trà Vinh	7.0	9.5	9.6	8.7	Đạt	
323	A2-396	24600377	Bùi Thị Mỹ	Trang	08/03/2006	Nữ	Đắk Lắk	5.5	7.5	7.2	6.7	Đạt	
324	A2-41	24634020	Lê Võ Thuỳ	Trang	16/01/2006	Nữ	Quảng Nam	9.0	9.4	7.2	8.5	Đạt	
325	A2-436	21641650	Nguyễn Ngọc Doan	Trang	18/12/2002	Nữ	TP. HCM	7.0	8.5	8.0	7.8	Đạt	
326	A2-355	23631097	Nguyễn Thị Huyền	Trang	19/09/2005	Nữ	TP. HCM	5.5	7.3	6.4	6.4	Đạt	
327	A2-311	24600438	Nguyễn Thị Kiều	Trang	21/02/2006	Nữ	An Giang	6.5	9.4	10.0	8.6	Đạt	
328	A2-437	24600252	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	02/05/2003	Nữ	Quảng Ngãi	7.0	8.1	6.8	7.3	Đạt	
329	A2-87	24631288	Nguyễn Hồng	Trí	31/07/2006	Nam	TP. HCM	8.0	9.9	9.6	9.2	Đạt	
330	A2-127	24600120	Phạm Thành	Trí	24/10/2005	Nam	Tiền Giang	9.0	8.3	6.4	7.9	Đạt	

TT	Số BD	Thông tin sinh viên					Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú	
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết				Nghe
331	A2-269	24641188	Nguyễn Minh	Triết	18/07/2006	Nam	Bến Tre	6.0	4.5	7.6	6.0	Đạt	
332	A2-88	25611060	Bùi Thị Diễm	Trinh	28/05/2006	Nữ	TP. HCM	8.5	7.9	9.6	8.7	Đạt	
333	A2-216	24631030	Huỳnh Lê Ánh	Trinh	01/06/2006	Nữ	Đồng Tháp	6.0	9.1	8.0	7.7	Đạt	
334	A2-217	24631007	Nguyễn Thị Diễm	Trinh	16/03/2001	Nữ	TP. HCM	7.5	9.7	8.8	8.7	Đạt	
335	A2-172	24631165	Trần Tuyết	Trinh	06/03/2006	Nữ	Bình Thuận	6.0	4.0	6.8	5.6	Đạt	
336	A2-43	24611232	Vương Phú	Trinh	11/03/2006	Nữ	TP. HCM	7.5	9.1	7.2	7.9	Đạt	
337	A2-270	24662031	Phạm Minh	Trọng	17/09/2006	Nam	TP. HCM	7.0	8.2	7.2	7.5	Đạt	
338	A2-89	24631185	Lê Thị Duy	Trúc	11/01/2005	Nữ	Tiền Giang	6.5	7.2	7.2	7.0	Đạt	
339	A2-219	24631263	Mai Thị Thanh	Trúc	20/10/2006	Nữ	Long An	7.5	10.0	10.0	9.2	Đạt	
340	A2-356	25671058	Ngô Thanh	Trúc	27/04/2005	Nữ	TP. HCM	6.5	6.7	8.0	7.1	Đạt	
341	A2-438	23600022	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	28/10/2001	Nữ	Tây Ninh	4.0	5.2	9.2	6.1	Đạt	
342	A2-312	24600455	Phạm Thị Thu	Trúc	16/04/2003	Nữ	Ninh Thuận	4.5	7.2	8.4	6.7	Đạt	
343	A2-218	24635075	Võ Trịnh Thanh	Trúc	23/10/2006	Nữ	TP. HCM	6.5	8.1	5.2	6.6	Đạt	
344	A2-357	24635178	Hồ Chí	Trung	18/05/2006	Nam	Tiền Giang	7.0	6.8	7.2	7.0	Đạt	
345	A2-358	23641349	Nguyễn Minh	Trường	10/01/2004	Nam	TP. HCM	7.0	2.4	6.8	5.4	Đạt	
346	A2-44	24611097	Nguyễn Thanh	Tú	06/12/2006	Nữ	TP. HCM	6.0	7.3	7.2	6.8	Đạt	
347	A2-128	24662006	Dương Minh	Tuấn	03/07/2003	Nam	An Giang	7.0	7.5	4.8	6.4	Đạt	
348	A2-271	24612069	Nguyễn Đăng	Tuấn	18/05/2006	Nam	Đồng Nai	7.5	9.3	10.0	8.9	Đạt	
349	A2-220	25635097	Nguyễn Thanh	Tuấn	02/04/2005	Nam	Đồng Nai	5.0	8.0	6.0	6.3	Đạt	
350	A2-439	24600215	Huỳnh Ngọc Cát	Tường	15/02/2006	Nữ	TP. HCM	7.0	7.3	5.2	6.5	Đạt	
351	A2-272	24662026	Võ Công Tin	Tường	04/08/2004	Nam	An Giang	8.0	7.4	8.8	8.1	Đạt	
352	A2-129	24600034	Lê Thành	Tự	30/03/2006	Nam	Long An	4.5	7.1	7.6	6.4	Đạt	
353	A2-445	23612080	Trần Gia Trọng	Tuyền	26/08/2005	Nam	Khánh Hòa	4.0	8.3	6.4	6.2	Đạt	
354	A2-273	24641218	Nguyễn Thanh	Tuyền	27/11/2005	Nữ	TP. HCM	7.0	7.0	7.6	7.2	Đạt	
355	A2-221	24631091	Phạm Thị Bích	Tuyền	19/10/2006	Nữ	TP. HCM	4.5	7.0	6.0	5.8	Đạt	
356	A2-359	24635127	Đỗ Ngọc Thanh	Tuyền	10/08/2006	Nữ	TP. HCM	5.5	3.2	6.8	5.2	Đạt	

TT	Số BD	Thông tin sinh viên					Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết	Nghe		
357	A2-90	24631230	Phan Thị	Tuyền	23/11/2000	Nữ	An Giang	7.0	9.2	5.6	7.3	Đạt
358	A2-313	24611083	Điêu Thị Hoài	Ty	21/06/2006	Nữ	Đồng Nai	7.0	7.9	7.2	7.4	Đạt
359	A2-222	24635198	Huỳnh Thị	Uyên	11/07/2006	Nữ	Quảng Ngãi	6.5	3.9	5.6	5.3	Đạt
360	A2-274	25641067	Nguyễn Minh	Uyên	25/08/2004	Nữ	Tiền Giang	8.0	8.1	6.0	7.4	Đạt
361	A2-228	22635009	Nguyễn Ngọc Minh	Uyên	12/03/1999	Nữ	Tiền Giang	7.5	9.6	9.6	8.9	Đạt
362	A2-130	24600461	Dương Nguyễn Kiều	Vân	18/02/2006	Nữ	Đắk Lắk	5.5	5.0	7.2	5.9	Đạt
363	A2-131	24671019	Nguyễn Hồng	Vân	01/08/2006	Nữ	TP. HCM	7.5	8.3	6.4	7.4	Đạt
364	A2-360	24635041	Nguyễn Thị Bích	Vân	06/02/2005	Nữ	Đồng Nai	6.0	6.2	7.2	6.5	Đạt
365	A2-361	23682094	Lê Thảo	Vân	15/04/2005	Nữ	Đồng Nai	7.0	7.1	8.4	7.5	Đạt
366	A2-314	24611008	Lâm Thuý	Vi	21/02/2001	Nữ	Bạc Liêu	9.0	9.2	10.0	9.4	Đạt
367	A2-91	24682130	Lê Thị Thuý	Vi	17/10/2006	Nữ	Đồng Nai	8.5	9.5	7.6	8.5	Đạt
368	A2-362	23641327	Ngô Tấn	Vinh	16/06/2004	Nam	TP. HCM	7.5	8.7	8.0	8.1	Đạt
369	A2-441	24600188	Nguyễn Sơn	Vinh	20/05/1999	Nam	TP. HCM	8.0	8.6	6.8	7.8	Đạt
370	A2-223	23611066	Trần Quang	Vinh	01/01/2005	Nam	Bình Thuận	5.6	5.0	4.4	5.0	Đạt
371	A2-398	24600131	Bùi Yến	Vy	03/01/2004	Nữ	TP. HCM	10	7.8	10	9.3	Đạt
372	A2-174	24631350	Cao Nguyễn Tường	Vy	03/04/2002	Nữ	Đồng Nai	7.0	8.9	4.4	6.8	Đạt
373	A2-401	24600292	Đoàn Thị Lệ	Vy	17/10/2006	Nữ	Đắk Lắk	7.0	8.2	3.6	6.3	Đạt
374	A2-363	23682105	Hà Nguyễn Ngọc Yến	Vy	22/05/2005	Nữ	TP. HCM	7.5	7.8	7.2	7.5	Đạt
375	A2-400	24600275	Lê	Vy	25/04/2006	Nữ	Bình Định	5.5	9.3	7.6	7.5	Đạt
376	A2-226	24631236	Lê Kiều	Vy	28/12/2006	Nữ	TP. HCM	8.0	9.3	10.0	9.1	Đạt
377	A2-315	24611056	Ngô Tường	Vy	23/05/2006	Nữ	Bình Định	9.0	9.2	10.0	9.4	Đạt
378	A2-319	24600126	Nguyễn Thảo	Vy	01/11/2006	Nữ	Tiền Giang	5.5	7.4	6.4	6.4	Đạt
379	A2-224	24635028	Nguyễn Thị Ngọc	Vy	01/06/2006	Nữ	TP. HCM	4.5	6.5	10.0	7.0	Đạt
380	A2-275	24641162	Nguyễn Thị Tường	Vy	01/11/2005	Nữ	Cần Thơ	8.0	4.1	4.8	5.6	Đạt
381	A2-399	24600177	Nguyễn Trương Tường	Vy	03/01/2002	Nữ	TP. HCM	8.5	9.4	7.2	8.4	Đạt
382	A2-227	25635095	Phạm Thị Bảo	Vy	06/11/2005	Nữ	Đồng Nai	4.5	9.0	9.2	7.6	Đạt

TT	Số BD	Thông tin sinh viên					Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết	Nghe		
383	A2-318	24600111	Phan Ngọc	Vy	11/09/2006	Nữ	TP. HCM	8.0	8.4	8.0	8.1	Đạt
384	A2-320	24611163	Trần Bảo	Vy	20/01/2006	Nữ	TP. HCM	8.0	5.1	6.8	6.6	Đạt
385	A2-364	23631361	Trần Bảo	Vy	28/11/2005	Nữ	TP. HCM	7.5	7.7	8.0	7.7	Đạt
386	A2-132	24600129	Trần Ngọc Linh	Vy	02/06/2006	Nữ	Long An	6.5	8.2	9.6	8.1	Đạt
387	A2-133	25614161	Xích Hoàng Khánh	Vy	10/12/2004	Nữ	Bình Thuận	6.0	7.1	8.4	7.2	Đạt
388	A2-402	24600368	Tsú Đại	Vỹ	02/02/2006	Nam	Lâm Đồng	8.5	3.2	6.0	5.9	Đạt
389	A2-135	24600114	Lê Thị Diệu	Xuân	04/02/2006	Nữ	Đắk Lắk	9.0	6.2	3.6	6.3	Đạt
390	A2-321	24611016	Phạm Thị Hoài	Xuân	13/02/2005	Nữ	TP. HCM	9.0	9.2	9.6	9.3	Đạt
391	A2-136	25611157	Trịnh Minh	Xương	12/04/2007	Nam	TP. HCM	6.5	5.8	6.4	6.2	Đạt
392	A2-442	24635192	Nguyễn Thị Mỹ	Xuyên	01/01/2004	Nữ	Sóc Trăng	8.0	9.5	9.6	9.0	Đạt
393	A2-403	24600392	Võ Thị Ngọc	Y	20/08/2006	Nữ	Đồng Tháp	6.0	7.1	4.8	6.0	Đạt
394	A2-137	24631244	Nguyễn Thị Như	Ý	16/02/2006	Nữ	An Giang	6.5	5.7	4.8	5.7	Đạt
395	A2-138	24600178	Đỗ Thị Hồng	Yến	27/10/2006	Nữ	TP. HCM	6.5	7.3	4.8	6.2	Đạt
396	A2-276	24600060	Huỳnh Thị Xuân	Yến	11/02/2006	Nữ	TP. HCM	6.5	6.3	4.8	5.9	Đạt
397	A2-175	24682061	Nguyễn Phạm Hoàng	Yến	18/02/2006	Nữ	Đồng Nai	5.0	4.3	7.2	5.5	Đạt
398	A2-92	24631287	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	15/10/2006	Nữ	TP. HCM	8.5	9.3	8.8	8.9	Đạt
399	A2-322	24611161	Trần Xuân	Yến	28/09/2006	Nữ	TP. HCM	9.0	9.2	9.6	9.3	Đạt
400	A2-404	24600333	Tô Thị	Yến	20/08/2006	Nữ	Đắk Lắk	7.0	6.8	6.8	6.9	Đạt

Tổng danh sách: 400 SV

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH CÔNG NHẬN SINH VIÊN CAO ĐẲNG
ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH - TRÌNH ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG B1
KHÓA THI NGÀY 23/8/2026

(Kèm theo Quyết định số 13/QĐ-HĐT ngày 07 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng thi đánh giá năng lực ngoại ngữ)

TT	Số BD	Thông tin sinh viên					Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết	Nghe		
01	B1-01	19641403	Trần Lê Ngọc	Ánh	26/08/2001	Nữ	TP. HCM	7.5	5.6	8.8	7.3	Đạt
02	B1-17	25613145	Đặng Thị Thuý	An	15/01/2005	Nữ	Đắk Lắk	4.5	6.6	8.2	6.4	Đạt
03	B1-18	24613194	Phan Ngọc Phương	Anh	27/05/2006	Nữ	TP. HCM	7.0	4.6	6.2	5.9	Đạt
04	B1-20	24613232	Đặng Huỳnh Gia	Bảo	07/06/2006	Nam	TP. HCM	8.5	9.2	7.6	8.4	Đạt
05	B1-19	25613274	Đoàn Quang	Bảo	10/11/1998	Nam	TP. HCM	7.5	7.8	8.0	7.8	Đạt
06	B1-21	25611234	Huỳnh Thị Ngọc	Bích	13/02/2007	Nữ	TP. HCM	8.0	8.0	9.6	8.5	Đạt
07	B1-22	25611187	Trần Lê Thanh	Bình	15/09/2005	Nữ	TP. HCM	7.0	8.0	9.2	8.1	Đạt
08	B1-24	24613061	Nguyễn Thị Hồng	Đào	28/05/2006	Nữ	TP. HCM	8.0	10	10	9.3	Đạt
09	B1-25	24613163	Phạm Huệ	Đoan	10/05/2006	Nữ	Cà Mau	6.0	9.6	9.6	8.4	Đạt
10	B1-02	24613027	Nguyễn Phương	Đông	06/03/2006	Nam	TP. HCM	8.0	6.8	9.6	8.1	Đạt
11	B1-26	24613165	Lê nguyên hoàng	Duy	04/12/2006	Nam	Đồng Tháp	6.0	9.6	9.3	8.3	Đạt
12	B1-28	25613179	Đào Ngọc Bảo	Hân	20/04/2004	Nữ	TP. HCM	7.5	9.0	8.2	8.2	Đạt
13	B1-27	24613249	Nguyễn Ngọc	Hân	10/03/2006	Nữ	Bình Dương	6.0	10	9.6	8.5	Đạt
14	B1-29	24613153	Lê Thị Mỹ	Hạnh	05/02/2006	Nữ	Đắk Lắk	5.0	9.8	10	8.3	Đạt
15	B1-30	24613021	Cao Hoàng	Kha	22/11/2003	Nam	Tiền Giang	6.5	7.8	9.6	8.0	Đạt
16	B1-31	25613168	Phan Kim	Khánh	12/12/2007	Nữ	Bình Thuận	8.0	8.8	9.6	8.8	Đạt
17	B1-03	23613030	Trần Viết Nhật	Khoa	13/04/2004	Nam	Bà Rịa-Vũng Tàu	7.0	9.0	7.6	7.9	Đạt
18	B1-32	23613192	Lê Nhật	Kỳ	25/04/2005	Nam	Bình Định	6.0	9.8	9.2	8.3	Đạt
19	B1-33	24613225	Phùng Thị Yến	Linh	18/10/2006	Nữ	Quảng Ngãi	7.0	9.0	9.0	8.3	Đạt
20	B1-34	24613277	Hà Hưng	Long	08/06/2006	Nam	TP. HCM	5.5	9.0	9.6	8.0	Đạt



TT	Số BD	Thông tin sinh viên						Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết	Nghe			
21	B1-04	23613031	Nguyễn Thị	Luân	07/09/2003	Nữ	Bình Thuận	6.5	7.4	4.6	6.2	Đạt	
22	B1-05	24613268	Phạm Thị Ngọc	Mai	25/03/2006	Nữ	Long An	6.0	10	6.4	7.5	Đạt	
23	B1-07	24613250	Huỳnh Khã	Mi	20/05/2006	Nữ	Tiền Giang	7.0	9.8	9.2	8.7	Đạt	
24	B1-06	24613258	Trần Thị Kiều	Mi	16/06/2006	Nữ	TP. HCM	8.0	10	10	9.3	Đạt	
25	B1-35	25613177	Đinh Thị Trà	My	24/09/2007	Nữ	Bình Định	7.5	9.0	9.0	8.5	Đạt	
26	B1-36	24613237	Lê Mai Trà	My	31/05/2006	Nữ	Tiền Giang	7.5	10	9.0	8.8	Đạt	
27	B1-37	24613202	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	12/01/2006	Nữ	TP. HCM	7.0	9.4	8.8	8.4	Đạt	
28	B1-38	24613132	Châu Hữu	Nghĩa	29/01/2006	Nam	Long An	6.8	10	8.0	8.3	Đạt	
29	B1-39	24613236	Hồ Lê Thanh	Ngọc	03/04/2006	Nữ	TP. HCM	7.0	10	10	9.0	Đạt	
30	B1-08	23613187	Võ Thuý	Ngọc	29/12/2004	Nữ	Bình Định	6.0	9.4	10	8.5	Đạt	
31	B1-40	23613071	Đỗ Thị Thanh	Nhàn	30/12/2005	Nữ	Bình Thuận	6.5	9.2	9.2	8.3	Đạt	
32	B1-09	23613188	Đoàn Việt Khánh	Nhi	21/08/2005	Nữ	Cần Thơ	7.5	8.8	8.0	8.1	Đạt	
33	B1-43	24613154	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	12/09/2006	Nữ	TP. HCM	7.0	8.2	9.6	8.3	Đạt	
34	B1-42	24613155	Nguyễn Thị Yên	Nhi	12/09/2006	Nữ	TP. HCM	6.5	7.0	8.4	7.3	Đạt	
35	B1-41	24613180	Võ Thị Yên	Nhi	28/06/2006	Nữ	Quảng Ngãi	6.5	9.6	9.2	8.4	Đạt	
36	B1-44	24613066	Nguyễn Thị Nam	Phương	03/11/2006	Nữ	TP. HCM	6.8	10	9.6	8.8	Đạt	
37	B1-45	23613172	Phạm Minh	Quân	13/09/2004	Nam	TP. HCM	6.0	8.4	9.6	8.0	Đạt	
38	B1-10	24600286	Đặng Anh	Quốc	25/07/2006	Nam	Long An	7.5	9.8	8.2	8.5	Đạt	
39	B1-46	24613073	Trần Đức	Quỳnh	01/01/2000	Nam	Quảng Ngãi	7.0	10	10	9.0	Đạt	
40	B1-11	24631159	Trần Quốc	Sang	20/07/2006	Nam	Thanh Hóa	7.5	5.8	6.6	6.6	Đạt	
41	B1-12	24613106	Đỗ Tấn	Tài	19/01/2006	Nam	Bình Thuận	8.0	7.3	8.2	7.8	Đạt	
42	B1-47	25662007	Phạm Nguyễn Minh	Thư	25/11/2007	Nữ	Bến Tre	8.0	8.0	9.6	8.5	Đạt	
43	B1-13	24613193	Hoàng Minh	Thư	31/12/2006	Nữ	TP. HCM	8.0	8.2	9.4	8.5	Đạt	
44	B1-16	23613153	Đỗ Nhật Đức	Tín	15/12/2005	Nam	Long An	8.0	7.8	6.6	7.5	Đạt	
45	B1-48	23613200	Nguyễn Ngọc	Trâm	09/10/2005	Nữ	Tiền Giang	8.0	8.8	8.4	8.4	Đạt	
46	B1-49	24613221	Phạm Nhật	Trâm	28/10/2006	Nữ	Quảng Ngãi	6.0	9.4	10.0	8.5	Đạt	
47	B1-50	24613186	Huỳnh Phương	Trang	24/01/2006	Nữ	TP. HCM	7.3	9.2	9.2	8.6	Đạt	
48	B1-51	24613243	Huỳnh Văn Ngọc	Triệu	19/06/2006	Nam	Tiền Giang	6.0	9.4	10	8.5	Đạt	
49	B1-52	24613115	Nguyễn Việt	Trung	03/08/2006	Nam	Ninh Thuận	6.0	10	4.4	6.8	Đạt	
50	B1-53	23613152	Phạm Thị Thanh	Tuyền	18/05/2005	Nữ	TP. HCM	7.3	9.2	9.2	8.6	Đạt	

TT	Số BD	Thông tin sinh viên					Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết	Nghe		
51	B1-54	24613204	Võ Thái	Vy	09/07/2006	Nữ	Bình Thuận	6.3	9.8	10	8.7	Đạt
52	B1-14	24600328	Thạch Thị Kim	Xuân	23/03/2006	Nữ	Bình Phước	8.5	6.8	8.4	7.9	Đạt
53	B1-15	24612015	Nguyễn Thị Như	Ý	24/02/2006	Nữ	Long An	7.0	10	9.8	8.9	Đạt
54	B1-55	24613188	Vương Lam	Yên	21/02/2006	Nữ	Đắk Lắk	6.8	10	9.6	8.8	Đạt
55	B1-56	24613135	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	09/01/2006	Nữ	Bà Rịa-Vũng Tàu	7.0	10	9.6	8.9	Đạt

Tổng danh sách: 55 SV



TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN SINH VIÊN CAO ĐẲNG
ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH - TRÌNH ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG B2
KHÓA THI NGÀY 23/8/2026**

(Kèm theo Quyết định số 13/QĐ-HĐT ngày 07 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng thi đánh giá năng lực ngoại ngữ)

TT	Số BD	Thông tin sinh viên						Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết	Nghe			
01	B2-01	24621127	Nguyễn Phúc Bình	An	29/10/2006	Nữ	TP. HCM	8.3	7.5	9.6	8.5	Đạt	
02	B2-02	23621013	Huỳnh Vũ Hồng	Anh	30/01/2003	Nữ	TP. HCM	7.5	7.8	9.2	8.2	Đạt	
03	B2-12	22621033	La Nguyễn Quỳnh	Anh	27/04/2000	Nữ	TP. HCM	8.0	7.7	10	8.6	Đạt	
04	B2-03	23621071	Trần Phúc Lan	Anh	13/01/2004	Nữ	Khánh Hòa	9.8	8.4	8.8	9.0	Đạt	
05	B2-13	24621013	Nguyễn Gia	Bảo	06/02/2006	Nam	Tây Ninh	9.3	7.7	10	9.0	Đạt	
06	B2-04	24621006	Lê Thẩm Linh	Đan	25/06/2005	Nữ	Quảng Trị	10	8.4	10	9.5	Đạt	
07	B2-05	24621125	Hoàng Kỳ	Duyên	11/10/2006	Nữ	TP. HCM	9.0	7.7	9.6	8.8	Đạt	
08	B2-06	24621029	Bùi Gia	Hân	16/04/2005	Nữ	Lâm Đồng	9.8	9.3	10	9.7	Đạt	
09	B2-14	23621007	Cao Huỳnh Khánh	My	16/01/2003	Nữ	TP. HCM	6.8	7.3	8.8	7.6	Đạt	
10	B2-07	24621034	Nguyễn Hữu Chiêu	Nghi	02/09/2005	Nữ	Khánh Hòa	9.0	9.0	10	9.3	Đạt	
11	B2-08	23621136	Vũ Băng	Nhạn	03/09/2005	Nữ	Lâm Đồng	7.8	8.6	8.8	8.4	Đạt	
12	B2-15	24621030	Vũ Thị Tất	Nhiên	05/11/1993	Nữ	Đồng Nai	8.7	8.6	10	9.1	Đạt	
13	B2-09	21621212	Đỗ Như	Quỳnh	16/03/2003	Nữ	Khánh Hòa	7.8	8.1	8.8	8.2	Đạt	
14	B2-10	20621275	Nguyễn Thị Thanh	Tiền	17/03/2001	Nữ	Bình Định	8.0	8.0	8.0	8.0	Đạt	

Tổng danh sách: 14 SV